

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 59/2017/HNGĐ-ST

Ngày 21/9/2017

V/v: “*Xin ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy Hằng
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông: Lê Minh Phước
 2. Bà: Phạm Thị Em
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Thúy – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Bà Trần Hiền Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 21/9/2017 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2017, về việc: “*Xin ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/8/2017 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Trương Thị Ánh T**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Bị đơn: **Lê Hoàng T**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, chị T có mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2017, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Trương Thị Ánh T trình bày:

Chị và anh Lê Hoàng T tự nguyện kết hôn vào năm 2011 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. Sau cưới vợ chồng sống chung với gia đình bên chồng. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh T thường nhậu say về nhà chửi bới đánh đập chị và đuổi chị đi. Chị nhiều lần động viên khuyên giải nhưng anh T vẫn không sửa đổi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt hơn nên chị về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân từ tháng 4/2017 đến nay. Nay, chị nhận thấy tình cảm giữa chị và anh T không thể hàn gắn lại được nên xin ly hôn.

Trong thời gian chung sống anh chị có 01 con chung tên Lê Thanh T, sinh ngày 16/12/2011 hiện chị đang nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Lê Hoàng T vắng mặt tại Tòa nhưng có lời trình bày tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 01/8/2017 như sau:

Anh và chị T kết hôn vào năm 2011 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 06 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Do chị T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên khi nóng giận có đánh chị T. Chị T bồng con về nhà mẹ ruột sống 06 tháng nay. Anh thừa nhận anh có lỗi nên đến năm ni động viên chị T về đoàn tụ gia đình nhưng chị T không đồng ý. Nay chị T xin ly hôn anh muốn được đoàn tụ, nếu chị T cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Trong thời gian chung sống anh và chị T có 01 con chung như chị T trình bày. Anh có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị Ánh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự phát biểu tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành việc cấp tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai cho bị đơn là Lê Hoàng T để đưa vụ kiện ra xét xử nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Chị Trương Thị Ánh T và anh Lê Hoàng T tự nguyện kết hôn vào năm 2011 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. Trong thời gian chung sống do không cùng quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn không hàn gắn được nên anh chị đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay chị T khẳng định tình cảm vợ chồng không thể hòa hợp được nên xin ly hôn. Anh T xin đoàn tụ nhưng chị T không đồng ý nên anh cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, hôn nhân gia đình xuất phát từ tình yêu thương và sự tự nguyện giữa các bên không ai có quyền ngăn cản hay ép buộc. Trong thời gian sống chung do anh T, chị T không cùng quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn. Khi xảy ra mâu thuẫn, anh chị cũng có thời gian sống ly thân để tạo cơ hội hàn gắn nhưng không có kết quả. Tại tòa, anh T vắng mặt Hội đồng xét xử không thể hỏi ý kiến của anh T được nên không thể công nhận sự thuận thuận tình ly hôn của anh chị mà căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh T.

[3] Trong quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Lê Thanh T, sinh ngày 16/12/2011 hiện đang sống với chị T. Chị T xin tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, anh T cũng có nguyện vọng được trực

tiếp nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Qua xác minh thực tế tại địa phương nơi chị T, anh T sinh sống cho thấy: Từ ngày chị T không sống chung với anh T đến nay chị T vẫn đảm bảo việc nuôi dạy con tốt và không có vi phạm gì. Hiện chị T làm công nhân cho Công ty trên địa bàn tỉnh Bến Tre, khi đi làm chị gửi con đi học và nhờ ông bà ngoại trông hộ. Anh T không có công việc ổn định đang nuôi dưỡng cha già. So sánh điều kiện nuôi dạy và chăm sóc con thì chị T có điều kiện hơn. Để đảm bảo quyền lợi của trẻ về mọi mặt và để không làm xáo trộn đời sống của con Hội đồng xét xử cần xem xét để chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp.

Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con (mặc dù Hội đồng xét xử đã giải thích) nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[5] Về án phí: Chị T phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị Ánh T đối với anh Lê Hoàng T.

+ Về hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị Ánh T và anh Lê Hoàng T được ly hôn.

+ Về con chung: Chị Trương Thị Ánh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Lê Thanh T, sinh ngày 16/12/2011 cho đến khi tròn 18 tuổi. Ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không bên nào có quyền ngăn cản, vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

+ Về án phí:

Chị Trương Thị Ánh T phải chịu là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010076 ngày 08/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị T đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có mặt tại tòa có quyền làm đơn kháng cáo, bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND nơi cư trú của bị đơn để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND T. Bến Tre;
- VKS H. Châu Thành;
- THADS H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Túc.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Thúy Hằng

